TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2020
V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Ông **Trần Xuân Giới**

2./ Bà **Phạm Thu Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Minh Thương**

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc "*Không công nhận vợ chồng*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Vũ Thị Thanh T**, Sinh năm: 1986

Nơi ĐKHKTT: Tổ P, khu D, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt

Bị đơn: anh **Lý Ngọc A**, Sinh năm: 1982

Nơi ĐKHKTT: Phòng GX Tập thể T1, phường T1, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Tổ E, khu IA, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn - chị Vũ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Ngọc A tự do tìm hiểu trong khoảng thời gian 02 năm, đến năm 2017 thì làm đám cưới rồi về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng do tuổi còn trẻ thiếu hiểu biết pháp luật, không nhận thức được sự quan trọng của việc đăng ký kết hôn nên chị và anh Lý Ngọc A không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trước khi tự nguyện chung sống với nhau cả hai chưa từng kết hôn với ai. Quá trình chung sống, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã, chị và anh Ngọc A đã nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, đôi bên không thể tiếp tục chung sống với nhau cũng không thể hàn gắn tình cảm. Đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Lý Ngọc A là vợ chồng. Về con chung: Chị và anh Lý

Ngọc A có 01 con chung là Lý Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 16/9/2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Lý Ngọc A cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ khi có bản án của Tòa án cho đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung: Chị và anh Lý Ngọc A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Lý Ngọc A không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào. Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lý Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Thanh T được gia đình hai bên tổ chức cưới vào tháng 4 năm 2017 sau thời gian tìm hiểu nhau 02 năm. Nhưng do cả hai chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc đăng ký kết hôn nên anh và chị Vũ Thị Thanh T không đến đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Trước khi chung sống với nhau, anh và chị Vũ Thị Thanh T chưa từng kết hôn với ai, cả hai chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, anh và chị Vũ Thị Thanh T không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã dẫn đến việc chị T đưa con chung về nhà mẹ đẻ sống; đôi bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, anh cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa. Anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Vũ Thị Thanh T là vợ chồng. Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Thanh T có một con chung là Lý Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 16/9/2017. Anh đồng ý để chị Vũ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh có quyền thăm nom, chăm sóc con mỗi thứ 7, chủ nhật; anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) kể từ khi có bản án của Tòa án đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung: anh và chị Vũ Thị Thanh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào. Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự đã giao nộp tài liệu, chứng cứ đảm bảo đủ cơ sở để giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về việc "Không công nhận vợ chồng" đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017. Tại thời điểm chung sống, chị T và anh Ngọc A đều đủ tuổi kết hôn nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Do đó, mặc dù có thời gian dài chung sống cùng nhau và có con chung nhưng căn cứ các Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tich số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 và khoản 2 Điều 6 Luật Hộ tịch năm 2014 thì xác định chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A không phải là vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh T có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A có 01 con chung là Lý Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 16/9/2017. Chị T và anh Ngọc A thống nhất quan điểm: giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ngọc A cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) kể từ khi có bản án của Tòa án đến khi con chung thành niên. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về vấn đề khác: Chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào, Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Lý Ngọc A phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 14, 15, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh T.

1./ Về hôn nhân: Không công nhận chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A là vợ chồng.

2./ Về con chung: Giao con chung Lý Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 16/9/2017 cho chị Vũ Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lý Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) kể từ ngày 09/7/2020 cho đến khi con chung thành niên. Anh Lý Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Vũ Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lý Ngọc A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Khi có lý do chính đáng, chị Vũ Thị Thanh T và anh Lý Ngọc A có quyền thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; trong trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3./ Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002414 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Anh Lý Ngọc A phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành trả tiền thì phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp Hạ Long;
- UBND p Tr, Tp Hg;
- UBND p T2, quận Đ, Tp Hà Nội;
- Chi cục THADS Tp H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thanh Tâm